



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 7

Số 43 (15/7/2007)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

26-6-2007	- Quyết định số 2810/QĐ-UBND về bãi bỏ các văn bản về đất đai do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành	3
26-6-2007	- Quyết định số 2811/QĐ-UBND về công bố danh mục các văn bản về đất đai do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đã hết hiệu lực thi hành.	6
28-6-2007	- Chỉ thị số 15/2007/CT-UBND về tăng cường công tác phòng, chống Sốt xuất huyết.	8
28-6-2007	- Quyết định số 2836/QĐ-UBND về kiện toàn tổ chức Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.	11
29-6-2007	- Chỉ thị số 16/2007/CT-UBND về việc triển khai các biện pháp cấp bách bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	16

- 04-7-2007 - Quyết định số 87/2007/QĐ-UBND về ban hành quy định đào đường và tái lập mặt đường phục vụ dự án “Giảm thất thoát nước thành phố Hồ Chí Minh” thuộc dự án Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam - vốn vay Ngân hàng Thế giới. 25
- 04-7-2007 - Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND về ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố. 31

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

- 14-6-2007 - Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND về ủy quyền cho Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3 được ký tên, đóng dấu UBND quận trên một số văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của UBND quận. 41

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 02-7-2007 - Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung đợt 1 chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng và sửa chữa năm 2007. 43

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2810/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ các văn bản về đất đai do Ủy ban nhân dân thành phố
ban hành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1581/STP-KTrVB ngày 04 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 07 văn bản về đất đai do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành từ năm 1981 đến năm 2004, không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC VĂN BẢN VỀ ĐẤT ĐAI ĐƯỢC BÃI BỎ
DO KHÔNG CÒN PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2810/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Quyết định số 2701/QĐ-UB ngày 16 tháng 11 năm 1992 về việc ban hành bảng phân hạng đường để tính thuế nhà đất theo Pháp lệnh Thuế nhà đất được Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 31 tháng 7 năm 1992.
2. Công văn số 978/UB-QLĐT ngày 28 tháng 3 năm 1996 về việc thu tiền sử dụng đất ở.
3. Công văn số 1838/UB-QLĐT ngày 25 tháng 5 năm 1996 về việc hướng dẫn thực hiện miễn tiền sử dụng đất đối với các công trình phúc lợi công cộng.
4. Công văn số 2583/UB-QLĐT ngày 19 tháng 7 năm 1997 về việc xử lý cụ thể việc vi phạm quản lý đất đai ở thành phố.
5. Công văn số 3631/CV-UB-QLĐT ngày 22 tháng 9 năm 1998 về việc khấu trừ đền bù để thu tiền sử dụng đất theo Nghị định số 44/CP.
6. Công văn số 4246/UB-QLĐT ngày 11 tháng 10 năm 1999 về việc cải thiện quy trình và thủ tục xin sử dụng đất trên địa bàn thành phố.
7. Công văn số 2927/UB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2000 về việc giao hay cho thuê đất đối với các dự án đầu tư không sử dụng nguồn vốn ngân sách.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2811/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về công bố danh mục các văn bản về đất đai do Ủy ban nhân dân
thành phố ban hành đã hết hiệu lực thi hành**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1581/STP-KTrVB ngày 04 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 08 văn bản về đất đai do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành từ năm 1981 đến năm 2004 đã hết hiệu lực thi hành theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

VĂN BẢN VỀ ĐẤT ĐAI HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2811/QĐ-UBND

ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

1. Quyết định số 1499/QĐ-UB ngày 14 tháng 10 năm 1993 về việc lập Ban chỉ đạo triển khai Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
2. Chỉ thị số 01/CT-UB ngày 12 tháng 01 năm 1994 về việc triển khai Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố.
3. Thông báo số 19/TB-UB-QLĐT ngày 06 tháng 3 năm 1995 về quy hoạch bố trí các khu công nghiệp tập trung và các khu dân cư kế cận.
4. Công văn số 1849/UB-KT ngày 10 tháng 7 năm 1995 về việc công bố giá thuê đất đối với các hình thức đầu tư nước ngoài.
5. Chỉ thị số 14/CT-UB-NC ngày 29 tháng 4 năm 1994 về việc tổ chức kê khai, đăng ký và thu tiền thuê đất trên địa bàn thành phố đối với các đơn vị và cá nhân sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh ngoài nông nghiệp.
6. Chỉ thị số 19/CT-UB-NC ngày 28 tháng 6 năm 1996 về việc bổ sung một số điểm trong Chỉ thị số 14/CT-UB-NC ngày 29 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban nhân dân thành phố.
7. Công văn số 2930/CV-UB-KT ngày 05 tháng 8 năm 1998 về xác định lại mức giá cho thuê đất của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
8. Công văn số 3317/CV-UB-KT ngày 14 tháng 8 năm 1999 về kinh phí cho công tác kê khai, đăng ký nhà, đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2007/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2007

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác phòng, chống sốt xuất huyết

Hiện nay, dịch sốt xuất huyết đã bùng phát tại nhiều tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, với số trường hợp mắc bệnh và tử vong đều tăng cao. Tại thành phố Hồ Chí Minh, số trường hợp mắc sốt xuất huyết đã gia tăng nhanh từ tháng 6 năm 2007 và đang có chiều hướng tiếp tục gia tăng nhanh trong thời gian tới đây, đe dọa bùng phát thành dịch lớn nếu không có biện pháp phòng chống mạnh mẽ và hiệu quả.

Nguyên nhân chủ yếu để bệnh sốt xuất huyết vẫn tồn tại và gia tăng nhanh vào mùa mưa là do môi trường của nhiều khu vực dân cư còn bị ô nhiễm, có nhiều vật phế thải, nhiều công trình xây dựng, nhiều rạch chứa đống nước tù đọng... tạo điều kiện cho muỗi sinh sản và phát triển mạnh. Nhiều khu vực người dân còn sử dụng các vật chứa nước sinh hoạt không đúng cách. Trong khi đó, nhiều quận - huyện, phường - xã chưa có sự quan tâm đúng mức, chưa tạo được phong trào toàn dân tích cực bảo vệ môi trường, phòng chống sốt xuất huyết, chưa huy động sự tham gia của các ban ngành đoàn thể, còn giao khoán cho ngành y tế thực hiện các biện pháp phun xịt hóa chất diệt muỗi, diệt lăng quăng.

Để khống chế sự phát triển của bệnh sốt xuất huyết trong năm nay, tiến tới kiểm soát được bệnh trong những năm tới, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các sở - ngành và Ủy ban nhân dân các cấp tập trung thực hiện tốt các biện pháp sau:

1. Các ngành, các cấp tăng cường công tác thông tin - giáo dục - truyền thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, qua sinh hoạt tổ dân phố và các đoàn thể nhằm nâng cao ý thức người dân về mối nguy hiểm của dịch bệnh; hướng dẫn và vận động người dân thực hiện các biện pháp vệ sinh làm sạch môi trường sống; dẹp bỏ các vật chứa nước không cần thiết ở trong và xung quanh nhà, chú ý vệ sinh các dụng cụ có chứa nước, trong các vật dụng chứa nước ngoài trời... Sử dụng thường xuyên các biện pháp diệt muỗi (nhang trừ muỗi, vợt điện, phun thuốc diệt muỗi, thả cá 7

màu) và các biện pháp phòng ngừa muỗi cắn, nhất là cho trẻ em (mặc áo quần dài, ngủ màn ban ngày...).

Để vận động người dân thực hiện tốt các biện pháp trên, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương cần tổ chức các buổi sinh hoạt, trao đổi với người dân trong từng khu phố, tổ dân phố, để tìm ra biện pháp phòng, chống thích hợp, hiệu quả và thường xuyên kiểm tra nhắc nhở hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện đảm bảo đủ nguồn nhân lực, trang thiết bị và kinh phí cho hoạt động phòng chống dịch. Thực hiện đầy đủ các chế độ bồi dưỡng cho cán bộ tham gia phòng chống dịch theo quy định. Tại bất cứ khu vực dân cư nào có xảy ra trường hợp bệnh được xác định, phải được xem là **ổ dịch nhỏ** và chính quyền địa phương phải thực hiện ngay các biện pháp chống dịch một cách toàn diện và triệt để theo hướng dẫn của ngành y tế dập tắt ngay, không để dịch lan rộng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở - ngành liên quan, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai phong trào thực hiện tổng vệ sinh hàng tháng vào ngày chủ nhật cuối tháng: phát quang môi trường chung quanh nhà, dọn dẹp các bãi rác, bãi phế liệu, khai thông cống rãnh, kênh rạch. Vận động nhân dân lấp bỏ các ao tù, không để trở thành bãi rác, phát sinh muỗi. Kiên quyết xử phạt vi phạm môi trường đối với chủ các công trình xây dựng để nước ứ đọng làm phát sinh muỗi; chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh để tồn đọng các vật dụng có thể chứa đựng nước phát sinh muỗi, lãng quăng; Ban Quản lý các chợ để mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường học thực hiện nghiêm túc việc thả cá bảy màu trong các hòn non bộ, các hồ chứa nước, làm vệ sinh môi trường xung quanh trường học, không để lãng quăng và muỗi phát sinh.

5. Sở Y tế tổ chức huấn luyện cho toàn mạng lưới về chẩn đoán và điều trị bệnh. Tổ chức phát hiện sớm, chữa trị kịp thời các trường hợp bệnh, nghi ngờ bệnh, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp tử vong. Chuẩn bị đầy đủ, từ tuyến thành phố đến tuyến phường - xã, thuốc điều trị, dịch truyền các loại, hóa chất diệt muỗi, diệt lãng quăng và phương tiện phun xịt theo đúng quy định. Thu thập đầy đủ số liệu về dịch bệnh, thực hiện dự báo đúng về diễn biến của dịch để có biện pháp phòng, chống thích hợp và hiệu quả, báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Y tế.

6. Sở Tài chính đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động phòng, chống dịch từ thành phố đến quận - huyện, phường - xã.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, các đoàn thể, các cơ quan truyền thông đại chúng tích cực vận động toàn dân tham gia các hoạt động phòng, chống dịch, tạo nên phong trào sâu rộng đến từng hộ gia đình, thực hiện tốt các yêu cầu vệ sinh bảo vệ môi trường.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2836/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về kiện toàn tổ chức Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra, Nghị định số 153/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 107/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thủy sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 153/SNN-TCCB ngày 07 tháng 02 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 313/TTr-SNV ngày 17 tháng 4 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay kiện toàn tổ chức Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 153/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 107/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thủy sản.

Điều 2. Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố gồm có:

Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gọi tắt là Thanh tra Sở), Thanh tra chuyên ngành Thú y, Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (gọi tắt là Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ thực vật), Thanh tra chuyên ngành Thủy sản.

1. Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định pháp luật. Trụ sở của Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt tại số 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thanh tra chuyên ngành Thú y, Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (gọi tắt là Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ thực vật), Thanh tra chuyên ngành Thủy sản được sử dụng con dấu của Chi cục trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 28 Luật Thanh tra; Điều 12 và Điều 16 Nghị định số 153/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra chuyên ngành Thú y, Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ thực vật, Thanh tra chuyên ngành Thủy sản:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm (hành chính và thanh tra chuyên ngành thú y, bảo vệ thực vật, thủy sản) theo quy định của pháp luật, trình Chi cục trưởng để Chi cục trưởng phối hợp với Chánh Thanh tra Sở thẩm định, trình Giám đốc Sở phê duyệt và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch khi được phê duyệt.

b) Thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn thanh tra hành chính (thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao) đối với tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Chi cục trưởng:

- Thanh tra, kết luận, quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính theo hướng dẫn của Thanh tra Sở và Thanh tra thành phố.

c) Thanh tra về việc chấp hành các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện sản xuất kinh doanh và các quy định khác của pháp luật trong lĩnh vực thú

y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thủy sản; thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành do Chi cục quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Giúp Chi cục trưởng thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Theo dõi, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng trong việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các đơn vị thuộc Chi cục thực hiện các quy định của pháp luật và thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Chi cục trưởng theo quy định của pháp luật.

e) Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra.

g) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra của Chi cục trưởng và các cơ quan chức năng khác có liên quan; tổng hợp báo cáo kết quả thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Chi cục trưởng theo quy định của pháp luật.

h) Phối hợp với Thanh tra Sở, Thanh tra Cục quản lý chuyên ngành và Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra.

i) Quản lý tổ chức, biên chế, tài sản và kinh phí hoạt động thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chi cục trưởng, Chánh Thanh tra Cục quản lý chuyên ngành hoặc Thanh tra Sở giao theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy và biên chế của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo hướng dẫn về công tác và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra thành phố, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra và các Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên, các chức danh này được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức: Thanh tra chuyên ngành Thú y là cơ quan của Chi cục Thú y, Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ thực vật là cơ quan của Chi cục Bảo vệ thực vật, Thanh tra chuyên ngành Thủy sản là cơ quan của Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

a) Các tổ chức Thanh tra chuyên ngành chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi cục trưởng đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Cục chuyên ngành và chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác tổ chức nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra Sở. Thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý Nhà nước của Chi cục.

b) Thanh tra chuyên ngành có Chánh Thanh tra, có các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên, công chức, cộng tác viên thanh tra.

- Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chi cục trưởng sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Sở; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng và pháp luật về hoạt động của Thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi, nhiệm vụ được giao.

- Phó Chánh Thanh tra chuyên ngành do Chi cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra chuyên ngành; Phó Chánh Thanh tra giúp việc cho Chánh Thanh tra, được Chánh Thanh tra phân công phụ trách một số nhiệm vụ cụ thể; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Các Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật. Thanh tra viên và công chức thuộc các ngạch công chức khác (nếu có) chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra và pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ được giao.

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có kế hoạch đào tạo, bố trí đủ cán bộ, công chức đảm bảo trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật sau khi trao đổi thống nhất với Thanh tra thành phố và Sở Nội vụ thành phố.

Điều 5. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm

1. Chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở, Chi cục trưởng Chi cục Thú y, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản kiện toàn tổ chức, bộ máy Thanh tra của đơn vị và xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định.

2. Ban hành quy chế phối hợp giữa Thanh tra Sở, Thanh tra chuyên ngành Thú y, Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật và Thanh tra chuyên ngành Thủy sản nhằm đảm bảo không chồng chéo nhiệm vụ, xác định rõ trách nhiệm, tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 46/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 1991 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Thanh tra Sở Nông nghiệp thành phố; Quyết định số 4590/QĐ-UB-NCVX ngày 23 tháng 6 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Thanh tra Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Quyết định số 1815/QĐ-UB-NC ngày 01 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Thanh tra Thú y; Quyết định số 4198/QĐ-UB-NCVB ngày 09 tháng 6 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Thanh tra Bảo vệ thực vật.

Điều 7. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Thanh tra Chi cục Thú y, Chánh Thanh tra Chi cục Bảo vệ thực vật, Chánh Thanh tra Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2007/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2007

CHỈ THỊ

Về việc triển khai các biện pháp cấp bách bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Trong thời gian qua, với sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Y tế, của Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, và sự tham gia tích cực của toàn xã hội, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ở thành phố Hồ Chí Minh đã có những chuyển biến rõ nét; sự phối hợp liên ngành được tăng cường có hiệu quả, công tác giáo dục truyền thông được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và người tiêu dùng trong việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe của nhân dân thành phố.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm của thành phố vẫn còn nhiều bức xúc:

- Những sơ hở yếu kém trong việc kiểm soát và chặn nguồn rau quả bị ô nhiễm các hóa chất độc hại, nhất là nguồn rau quả từ các tỉnh nhập vào thành phố, nguồn rau quả trồng trên vùng đất bị ô nhiễm chất thải công nghiệp; các nguồn gia súc, gia cầm, thủy hải sản lưu thông trên thị trường thành phố chưa được kiểm soát hoàn toàn.

- Việc sử dụng, kinh doanh các hóa chất, phụ gia không đúng quy định trong chế biến, bảo quản thực phẩm vẫn còn phổ biến, nhất là với các cơ sở sản xuất thực phẩm quy mô nhỏ; Tình trạng hàng thực phẩm giả, kém chất lượng, hàng thực phẩm nhập lậu qua biên giới chưa được kiểm soát chặt chẽ;

- Việc quản lý kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống tại các chợ, đường phố, khu du lịch, trường học, bệnh viện còn nhiều yếu kém, lỏng lẻo; tình trạng ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, các khu công nghiệp vẫn xảy ra không chỉ làm ảnh hưởng tới sức khỏe của nhân dân mà còn tác động xấu tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Các quy định điều chỉnh của pháp luật chưa được đủ sức răn đe.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm của thành phố và các quận - huyện, người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng chưa cao; các cơ sở trồng trọt, chăn nuôi và chế biến thực phẩm nhỏ lẻ vẫn chưa bảo đảm được các quy chuẩn quy định; hệ thống tổ chức, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế, đặc biệt là Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm ở địa phương.

Để khắc phục tình trạng trên, nhằm thiết lập trật tự kỷ cương trong việc kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 06/2007/CT-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2007 và của Bộ Y tế tại Công văn số 3659/BYT-ATTP ngày 31 tháng 5 năm 2007; Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn tập trung thực hiện một số nội dung cấp bách sau:

1. Tăng cường công tác thông tin - giáo dục - truyền thông về vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, giúp người tiêu dùng có đủ kiến thức và kỹ năng chọn lựa, sử dụng và bảo quản thực phẩm đảm bảo VSAT; cung ứng đầy đủ thông tin cần thiết về các cơ sở thực phẩm đủ điều kiện và không đủ điều kiện, các sản phẩm thực phẩm đạt tiêu chuẩn và không đạt tiêu chuẩn về VSATTP.

2. Tăng cường công tác huấn luyện đào tạo về vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý Nhà nước. Nhanh chóng phát triển và kiện toàn hệ thống quản lý Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là hệ thống Thanh tra chuyên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm, thường xuyên huấn luyện về vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, đặc biệt đối với các cơ sở thực phẩm quy mô nhỏ, do quận huyện, phường xã quản lý. Chú ý giáo dục ý thức chấp hành đúng các quy định pháp luật liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Giao Sở Y tế phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ khẩn trương xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Phân tích chất lượng cao của thành phố và phát huy vai trò của Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm y khoa thành phố; khuyến khích phát triển các Phòng xét nghiệm, kiểm nghiệm thực phẩm tư nhân hiện đại và đạt chuẩn; hình thành hệ thống xét nghiệm, kiểm nghiệm thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế trong việc sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, đặc biệt là các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất rau quả, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, thủy hải sản; quản lý chặt chẽ việc

kinh doanh hóa chất phụ gia thực phẩm trên nguyên tắc hóa chất phụ gia thực phẩm chỉ được bán trong các cửa hàng thực phẩm; sắp xếp lại các khu vực kinh doanh thực phẩm trong các chợ; thường xuyên thanh, kiểm tra, xử lý việc chế biến thực phẩm ăn ngay tại khu công nghiệp và khu chế xuất, các trường học, các chợ, siêu thị, các khu du lịch, các nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể và dịch vụ thức ăn đường phố.

5. Tăng cường các biện pháp kiểm tra, thanh tra, xử lý thật nghiêm các vi phạm pháp luật; quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị khi để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong đơn vị mình, trường hợp để xảy ra hậu quả nghiêm trọng, tái diễn do buông lỏng quản lý, không tuân thủ pháp luật, thì phải xử lý kỷ luật nghiêm khắc hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo đúng quy định của pháp luật.

6. Tăng đầu tư về ngân sách, nhân lực và trang thiết bị để đáp ứng được yêu cầu cơ bản kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm.

Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm quận - huyện và phường - xã, thị trấn; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động 6 tháng, năm; tổ chức phân công thực hiện và kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của các cấp;

- Tổ chức kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, cảng, trường học, khu công nghiệp theo phân cấp; kiểm tra xử lý triệt để, xóa các điểm nóng trên địa bàn có giết mổ gia súc, gia cầm trái phép. Kiên quyết không để các cơ sở không đủ điều kiện tiếp tục sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cung ứng dịch vụ ăn uống;

- Khẩn trương tổ chức cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh thực phẩm thuộc 10 nhóm nguy cơ cao thuộc diện quản lý của quận - huyện, phường - xã, thị trấn. Đảm bảo hoàn tất trước ngày 01 tháng 01 năm 2008;

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, khắc phục ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm theo quy định của pháp luật;

- Tăng cường công tác thông tin - giáo dục - truyền thông về vệ sinh an toàn thực phẩm cho các đối tượng liên quan. Lồng ghép nội dung bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm vào tiêu chuẩn công nhận khu phố văn hóa, gia đình văn hóa, công sở văn minh, sạch đẹp, an toàn;

- Khẩn trương sắp xếp lại cơ cấu tổ chức y tế quận - huyện, đảm bảo nguồn nhân lực cho Trung tâm Y tế Dự phòng quận huyện, Trạm Y tế phường - xã, thị trấn và lực lượng thanh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Tăng cường đầu tư ngân sách và trang thiết bị cho các hoạt động vệ sinh an toàn thực phẩm ở địa phương.

2. Sở Y tế

- Chủ trì cùng các Sở - ngành, cơ quan liên quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố. Tăng cường hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra, đôn đốc các Sở - ngành, cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm quận - huyện thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, các cơ quan thông tấn báo chí và các sở - ngành liên quan xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tổ chức triển khai công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về vệ sinh an toàn thực phẩm phù hợp với từng đối tượng. Đặc biệt cần phối hợp với các Hội ngành nghề, vận động sự tham gia của các nhà khoa học để tổ chức các hội thảo nhằm cung ứng kiến thức chính xác và đầy đủ theo từng chuyên đề về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo và thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định pháp luật cho tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc 10 nhóm thực phẩm có nguy cơ cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở thực phẩm thực hiện đủ thủ tục và đạt đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận. Hoàn tất việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện (đối với các cơ sở đang hoạt động) trước ngày 01 tháng 01 năm 2008. Sau ngày 01 tháng 01 năm 2008, tổ chức thanh tra, xử lý nghiêm mọi cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm không có giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong năm 2007, tổ chức thanh, kiểm tra công tác huấn luyện vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác khám sức khỏe, công tác thẩm định cơ sở đủ điều kiện; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan tổ chức tốt công tác hướng dẫn triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm: thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành vệ sinh tốt (GHP) và hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP). Ưu tiên thực hiện trước các cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh thực phẩm thuộc 10 nhóm nguy cơ cao;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan xây dựng các chuỗi thực phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn như rau, thịt, trứng gia cầm, thịt gia súc, thủy hải sản, các loại nước chấm...;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thương mại và các ngành liên quan thực hiện các biện pháp quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh và sử dụng hóa chất phụ gia thực phẩm;

- Phối hợp với các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật và tồn dư hóa chất trong thực phẩm lưu thông trên thị trường. Đặc biệt trong 6 tháng cuối năm 2007 tập trung giám sát chất lượng và các hóa chất gây nguy hại đến sức khỏe người tiêu dùng trong nước chấm trên thị trường. Khẩn trương xây dựng lực lượng Thanh tra chuyên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm, phấn đấu từ năm 2008 triển khai được việc thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên, kết hợp với các đợt thanh tra chiến dịch, thanh tra chuyên đề;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan tổ chức tốt công tác phân tích, dự báo nguy cơ, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm. Thực hiện tốt việc xử trí kịp thời và hiệu quả các vụ ngộ độc thực phẩm; tổ chức điều tra xác định được nguyên nhân ngộ độc thực phẩm để có cơ sở xử lý các đối tượng sai phạm và đề ra các biện pháp phòng ngừa hiệu quả;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở - ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật về vệ sinh an toàn thực phẩm, đề xuất những văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới đáp ứng yêu cầu quản lý thực tiễn tại thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc kiến nghị Bộ Y tế, Chính phủ ban hành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; thực hiện tốt kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản, tồn dư kháng sinh, thuốc kích thích tăng trưởng trong nuôi trồng; kiểm soát việc vận chuyển, giết mổ và kinh doanh gia cầm, trứng gia cầm, thịt gia súc đưa vào thành phố;

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra tồn dư hóa chất độc hại trong rau, củ, quả, thủy hải sản, trong các khâu sơ chế, bảo quản, lưu thông trên thị trường, nhất là đối với trái cây nhập khẩu; kiểm soát chặt chẽ về vệ sinh thú y, vệ sinh thủy hải sản đối

với hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh thịt động vật và thủy hải sản trên thị trường kết hợp với việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;

- Kiểm tra giám sát việc kinh doanh sản phẩm gia cầm trong tủ bảo ôn, tiến tới quy định các sản phẩm động vật đã qua giết mổ phải được bày bán trong tủ bảo ôn;

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Thương mại và các ngành liên quan củng cố kiện toàn các chuỗi rau, thịt, thủy hải sản. Vận động các cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh rau, thịt, thủy hải sản tham gia và thực hiện tốt các quy định của chuỗi;

- Nghiên cứu, kiến nghị các cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, quy chuẩn kỹ thuật vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản, kể cả đối với trái cây nhập ngoại.

4. Sở Công nghiệp và Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thông tin, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thuộc phạm vi quản lý. Xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến và bếp ăn tập thể trong các nhà máy, xí nghiệp. Chỉ đạo và tạo điều kiện cho các bếp ăn tập thể tại các cơ sở sản xuất thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2008. Vận động các doanh nghiệp tăng mức giá suất ăn nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn suất ăn cho người lao động;

- Phối hợp với Sở Y tế thường xuyên thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thuộc phạm vi quản lý và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tuyệt đối không để các cơ sở cung ứng dịch vụ ăn uống chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cung ứng các dịch vụ ăn uống cho các cơ sở sản xuất thuộc phạm vi quản lý;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm soát chặt chẽ nguồn chất thải của các nhà máy, xí nghiệp do Sở Công nghiệp quản lý. Xây dựng lộ trình và triển khai áp dụng GMP, GHP và HACCP cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

5. Sở Thương mại

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn việc kinh doanh hàng thực phẩm giả, kém chất lượng, quá hạn sử dụng, vi phạm quy định ghi nhãn hàng hóa, có nguồn gốc nhập lậu và gian lận thương mại, hàng thực phẩm vi phạm pháp luật vệ sinh an

toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Sở quản lý. Phối hợp với các cơ quan liên quan truy nguyên nguồn gốc, xử lý nghiêm, triệt để các vi phạm;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và Ủy ban nhân dân quận - huyện đẩy nhanh tiến độ tổ chức, sắp xếp việc kinh doanh thực phẩm tại các chợ, kể cả đối với các chợ tự phát chưa dẹp bỏ được;

- Chỉ đạo quản lý thị trường, các cơ sở kinh doanh thực phẩm tổ chức thu hồi, tiêu hủy các sản phẩm thực phẩm không đạt tiêu chuẩn;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở - ngành liên quan tăng cường công tác thanh, kiểm tra và xử lý nghiêm tình trạng các sản phẩm thực phẩm nhập lậu qua biên giới.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các Sở - ngành chức năng tăng cường triển khai tuyên truyền phổ biến pháp luật liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, công bố quy định về tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế buộc phải áp dụng, hướng dẫn thực hiện và có biện pháp đảm bảo thực thi trong các đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh...;

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội hoạt động khoa học công nghệ, các đơn vị, cá nhân đăng ký hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố thực hiện quy định quản lý Nhà nước về các hoạt động đánh giá, thẩm định, đăng ký sở hữu trí tuệ, mua bán, chuyển giao công nghệ, quy trình giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất thực phẩm nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, công trình khi tham gia thị trường khoa học công nghệ, đáp ứng hiệu quả đổi mới công nghệ trong sản xuất. Trước mắt triển khai ngay việc nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong sản xuất nước tương, đảm bảo hàm lượng 3-MCPD không vượt quá mức quy định;

- Triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường sự hiểu biết về chuyên môn, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thường xuyên phối hợp với Sở Y tế và các Sở - ngành liên quan, các Hội ngành nghề tổ chức các hội thảo khoa học về vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Phối hợp với các Sở - ngành liên quan, rà soát các quy định quản lý liên quan đến chất lượng, tiêu chuẩn và nhãn mác sản phẩm thực phẩm theo nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất, chặt chẽ và không chồng chéo.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong hệ thống các trường học. Tuyệt đối không để các cơ sở cung ứng dịch vụ ăn uống chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cung ứng các dịch vụ ăn uống trong các trường học. Các bếp ăn tập thể tại các trường phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định để được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2008;

- Hoàn chỉnh việc xây dựng mô hình điểm về việc cung ứng suất ăn bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm ở các trường học trên địa bàn quận Bình Thạnh, tổ chức tổng kết đánh giá để nhân rộng cho các quận - huyện khác; Phối hợp với chính quyền địa phương giám sát các quầy, gánh hàng rong thực phẩm đang kinh doanh xung quanh trường;

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm trong các trường học, đồng thời huy động giáo viên và học sinh tham gia tích cực công tác về vệ sinh an toàn thực phẩm.

8. Công an thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan kiểm tra phát hiện, xử lý và hỗ trợ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm. Chỉ đạo các lực lượng nghiệp vụ liên quan, phối hợp với lực lượng Hải quan và địa phương kiểm soát, ngăn chặn việc nhập lậu thực phẩm vào thành phố;

- Phối hợp với các Sở - ngành liên quan tham gia tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

9. Sở Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở - ngành liên quan chỉ đạo tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Chỉ đạo hệ thống báo chí, Đài Phát thanh, Truyền hình, các Đội thông tin lưu động, hệ thống truyền thanh ở phường - xã, thị trấn dành thời lượng thích đáng, thời gian phát sóng phù hợp để phổ biến kiến thức, quy định pháp luật và các hoạt động bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân dân;

- Quản lý chặt chẽ việc quảng cáo các sản phẩm thực phẩm.

10. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Thanh tra thành phố và các Sở - ngành liên quan

hoàn chỉnh các đề án về tổ chức, nhân sự hệ thống quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở - ngành liên quan hoàn chỉnh quy chế phối hợp liên ngành trong các hoạt động bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

11. Sở Tài chính

- Cân đối bảo đảm tài chính cho các hoạt động của chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Hướng dẫn sử dụng tiền phạt về vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm phục vụ tốt cho các hoạt động bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định.

12. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Xây dựng kế hoạch đầu tư và huy động các nguồn lực từ xã hội và các tổ chức quốc tế để xây dựng hệ thống cơ sở vật chất và kỹ thuật cho công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp tích cực tham gia giáo dục, hướng dẫn người dân, đoàn viên, hội viên hiểu biết đầy đủ và ý thức chấp hành các quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện tốt quyền tự chọn lựa sản phẩm thực phẩm cho tiêu dùng, tố giác các hành vi vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm; Liên đoàn Lao động thành phố phát động cuộc vận động tăng cường chất lượng bữa ăn của người lao động trong các cơ sở sản xuất, đưa nội dung cuộc vận động vào hợp đồng lao động tập thể với chủ doanh nghiệp.

14. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở - ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này; định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Y tế.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành quy định đào đường và tái lập mặt đường
phục vụ dự án “Giảm thất thoát nước thành phố Hồ Chí Minh”
thuộc dự án Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam -
vốn vay Ngân hàng Thế giới**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP, ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2005/TT-BGTVT, ngày 07 tháng 11 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 186/2004/NĐ-CP, ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về đào đường và tái lập mặt đường

khi xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 60/2004/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh bổ sung “Quy định về đào đường và tái lập mặt đường khi xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” ban hành kèm theo Quyết định số 145/2002/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố; Quyết định số 47/2005/QĐ-UB, ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quy định về đào đường và tái lập mặt đường khi xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo Quyết định số 145/2002/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2002 và Quyết định số 60/2004/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông - Công chính tại Công văn số 1333/SGTCC-GT, ngày 07 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thủ tục đào và tái lập mặt đường phục vụ dự án Giảm thất thoát nước thành phố Hồ Chí Minh (thuộc dự án Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam - vốn vay Ngân hàng Thế giới).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không được đề cập trong Quyết định này vẫn thực hiện theo các Quyết định số 145/2002/QĐ-UB, ngày 09 tháng 12 năm 2002; Quyết định số 60/2004/QĐ-UB, ngày 17 tháng 3 năm 2004 và Quyết định số 47/2005/QĐ-UB, ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận 1, 3, 5, 10, 11, Tân Bình, Tân Phú và Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về đào đường và tái lập mặt đường phục vụ dự án
“Giảm thất thoát nước thành phố Hồ Chí Minh” thuộc dự án
Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam - vốn vay Ngân hàng Thế giới**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/2007/QĐ-UBND,
ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định này là cơ sở pháp lý cho các chính sách ưu tiên trong công tác đào đường và tái lập mặt đường của dự án Giảm thất thoát nước thành phố Hồ Chí Minh (thuộc dự án Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam - vốn vay Ngân hàng Thế giới).

Điều 2. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này chỉ áp dụng đối với chủ đầu tư (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) và các đơn vị tham gia thi công các hạng mục công trình của dự án Giảm thất thoát nước thành phố Hồ Chí Minh (thuộc dự án Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam - vốn vay Ngân hàng Thế giới).

2. Địa bàn áp dụng Quy định này là các khu vực thực hiện dự án Giảm thất thoát nước thành phố Hồ Chí Minh, thuộc các quận: 1, 3, 5, 10, 11, Tân Bình và Tân Phú.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, cụm từ “Quy định 145” được hiểu là Quy định về đào đường và tái lập mặt đường khi xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 145/2002/QĐ-UB, ngày 09 tháng 12 năm 2002 và các Quyết định số 60/2004/QĐ-UB, ngày 17 tháng 3 năm 2004, Quyết định số 47/2005/QĐ-UB, ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Chương II

CÁC THỦ TỤC VÀ QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG VIỆC ĐÀO ĐƯỜNG VÀ TÁI LẬP MẶT ĐƯỜNG

Điều 4. Đối với công tác dò tìm và sửa bề trên các tuyến đường thuộc phạm vi dự án được duyệt (xem như xử lý sự cố đột xuất về kỹ thuật trong khoản 1 Điều 5 của Quy định 145)

1. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được miễn làm thủ tục xin cấp giấy phép đào đường đối với công tác dò tìm và sửa bề trên các tuyến đường thuộc phạm vi dự án được duyệt.

2. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được phép đào trên các tuyến đường thuộc danh mục các đường cấm đào do Sở Giao thông - Công chính công bố hàng năm và được phép đào vào ban ngày trên các tuyến đường thuộc danh mục đường cấm đào ban ngày do Sở Giao thông - Công chính công bố hàng năm. Riêng đối với các đường mới được thảm bê tông nhựa và còn trong thời gian bảo hành, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn phải được thỏa thuận bằng văn bản của đơn vị bảo hành về trách nhiệm duy tu bảo dưỡng sau khi đào và tái lập mặt đường.

3. Trước khi triển khai đào đường, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn phải thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân quận có liên quan, Sở Giao thông - Công chính, Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1 và Thanh tra Giao thông công chính để biết và kiểm tra, theo dõi.

4. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn cần xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các nhà thầu áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến trong công tác thăm dò vị trí rò rỉ nước.

Điều 5. Đối với các công tác lắp đặt các tuyến ống mới, thay thế ống cũ, lắp đặt xây dựng hầm van, hầm đồng hồ tổng

1. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được xem xét cấp phép đào đường theo quy mô và tiến độ của từng hạng mục công trình (đặc cách khoản 9 Điều 4 của Quy định 145).

2. Hồ sơ xin cấp phép đào đường gồm (sửa đổi khoản 3 Điều 4 của Quy định 145):

- Đơn xin phép thi công của tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào đường để lắp đặt công trình ngầm. Nội dung đơn phải đầy đủ các dữ kiện để có cơ sở cấp phép.

- Các bản vẽ mô tả, thể hiện mặt bằng, vị trí đào, kích thước đào, kết cấu tái lập.

- Các văn bản thống nhất về phương án thi công, biện pháp và tiến độ thi công

giữa chủ đầu tư, đơn vị thi công. Riêng trường hợp đào trên lề đường để lắp đặt ống cấp nước có chiều dài rãnh đào nhỏ hơn 30m thì chỉ cần lập bảng tiến độ thi công, không cần có phương án thi công và biện pháp thi công.

Đối với trường hợp các tuyến đường đã bàn giao mặt bằng, đang giải tỏa để chuẩn bị thi công hoặc đang thi công để cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào đường phải bổ sung thêm văn bản thống nhất về kỹ thuật đào đường và tái lập mặt đường, tiến độ thực hiện, thỏa thuận phối hợp trong quá trình thi công của chủ đầu tư quản lý dự án cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường.

3. Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1 có trách nhiệm xem xét cấp phép trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (sửa đổi khoản 3 Điều 4 của Quy định 145).

4. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được phép đào đường trên các tuyến đường thuộc danh mục các đường cấm đào do Sở Giao thông - Công chính công bố hàng năm và được phép đào vào ban ngày trên các tuyến đường thuộc danh mục cấm đào ban ngày do Sở Giao thông - Công chính công bố hàng năm. Riêng đối với các tuyến đường mới được thảm bê tông nhựa và còn trong thời gian bảo hành, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn phải được thỏa thuận bằng văn bản của đơn vị bảo hành về trách nhiệm duy tu bảo dưỡng sau khi đào và tái lập mặt đường (đặc cách khoản 1 và 4 Điều 5 của Quy định 145).

5. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn cần xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích tham gia đối với các nhà thầu áp dụng thiết bị đào ngầm (robot) để thi công công trình.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG TRONG KHI ĐÀO ĐƯỜNG, TÁI LẬP MẶT ĐƯỜNG

Điều 6. Đối với các vị trí thi công trong phạm vi giao lộ hoặc các vị trí trên các trục giao thông chính, thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có trách nhiệm báo cáo với Sở Giao thông - Công chính để xem xét thông qua phương án đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công. Thời hạn tối đa để Sở Giao thông - Công chính xem xét giải quyết phương án là 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(Danh mục giao lộ hoặc các vị trí trên các trục giao thông chính thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông do Sở Giao thông - Công chính công bố và hướng dẫn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

Chương IV

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG CÔNG TÁC ĐÀO ĐƯỜNG, TÁI LẬP MẶT ĐƯỜNG

Điều 7. Đối với công tác kiểm tra và xử lý vi phạm của dự án

1. Đối với công tác đào đường dò tìm và sửa bề trên các tuyến đường thuộc phạm vi dự án được duyệt, nếu Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn phát hiện vị trí rò rỉ không chính xác, Chủ đầu tư công trình sẽ chịu mức phạt gấp đôi so với mức quy định hiện hành đối với cùng một hành vi vi phạm.

2. Nếu đơn vị thi công bị xử phạt quá 03 lần (đối với cùng 01 hạng mục) mà chưa khắc phục cũng như chưa chấp hành nộp phạt đúng thời gian quy định thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép sẽ không tiếp tục cấp phép cho Chủ đầu tư đối với hạng mục đó.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Giám đốc Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay cần thiết sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm
trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp;

Căn cứ Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch - xây dựng;

Căn cứ vào Tiêu chuẩn, quy phạm: Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN-4449:1987, quy phạm kỹ thuật thiết kế đường phố, đường quảng trường đô thị 20 TCN 104 - 83;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 2215/SQHKT-QHC&HT ngày 20 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Văn bản số 5546/UB-QLĐT ngày 23 tháng 11 năm 1994 của Ủy ban nhân dân thành phố và thay thế điểm 4 và điểm 5 của Văn bản số 3665/UB-QLĐT ngày 27 tháng 9 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ban - ngành thành phố, Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các
khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Việc quy định lộ giới đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu phải căn cứ trên nhu cầu giao thông, thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, bố trí các tuyến cấp điện, cấp nước, thoát nước, đường dây thông tin, yêu cầu về ánh sáng, thông thoáng và vệ sinh môi trường của khu ở.

2. Việc quy định lộ giới đường hẻm nhằm mục đích cải thiện điều kiện sống ở các khu dân cư chưa có điều kiện quy hoạch cải tạo cơ bản để đáp ứng yêu cầu về môi trường sống đô thị. Ở những nơi đã có quy hoạch chi tiết cải tạo khu dân cư hoặc đã có dự án cải tạo nâng cấp đô thị thì phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy định lộ giới đường hẻm trước mắt phục vụ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở - nhà ở, công tác giao thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy phép xây dựng nhà ở và các công trình trong hẻm. Mặt bằng lộ giới các đường hẻm phải được định vị rõ ràng trên bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm tỷ lệ 1/200, hoặc 1/500 hoặc 1/1000 (tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương để quyết định tỷ lệ bản đồ cho phù hợp) để phục vụ quản lý xây dựng của cấp thẩm quyền. Khi có điều kiện về kinh phí, trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm sẽ kiến thiết đường hẻm theo lộ giới được quy định với các tiêu chuẩn cao hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị của thành phố.

Điều 2. Định nghĩa và phân loại đường hẻm

1. Đường hẻm là các tuyến đường phục vụ giao thông nội bộ khu vực và có lộ giới nhỏ hơn 12m.

2. Trong khu dân cư hiện hữu có các loại đường hẻm như sau:

a) Hẻm chính: là đường hẻm được nối thông vào đường phố (loại đường khu vực có lộ giới lớn hơn 12m) và các hẻm nhánh hoặc hẻm cụt khác.

b) Hẻm nhánh: là đường hẻm được nối vào đường phố hoặc hẻm chính, hoặc có liên thông với hẻm khác.

c) Hẻm cụt: là đường hẻm chỉ nối một đầu vào đường hẻm khác hoặc đường phố.

d) Lối đi chung: là đường hẻm cụt phục vụ giao thông nội bộ cho một số căn hộ, được hình thành khi phân tách lô đất.

Điều 3. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy định về các chỉ tiêu quy hoạch - xây dựng lộ giới đường hẻm; về lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy định này không áp dụng đối với các đường hẻm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1/500 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Khu vực đã thực hiện dự án nâng cấp đô thị và đã thực hiện việc vận động người dân hiến đất xây dựng mở rộng hẻm, đồng thời chiều rộng đường hẻm đảm bảo quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

Chương II

CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH XÂY DỰNG LỘ GIỚI HẸM

Điều 4. Quy định lộ giới cho các loại đường hẻm

1. Lộ giới áp dụng cho hẻm chính: tối thiểu là 6m. Trong trường hợp đặc biệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện được quyền xem xét, quyết định lộ giới áp dụng cho hẻm chính nhỏ hơn quy định trên nhưng không nhỏ hơn 4,5m.

2. Lộ giới áp dụng cho hẻm nhánh và hẻm cụt: theo bảng 4-1 dưới đây.

Bảng 4-1

STT	Chiều dài hẻm	Lộ giới tối thiểu	Ghi chú
01	Nhỏ hơn 25m	3,5m	Khi không có trụ điện
02	25m - 50m	4,0m	
03	50m - 100m	4,5m	
04	100m - 200m	5,0m	
05	Lớn hơn 200m	6,0m	

3. Chiều rộng lối đi chung được chọn cho phép nhỏ hơn 3,5m, nhưng không nhỏ hơn 2m, trên cơ sở ý kiến đồng thuận của các hộ dân.

4. Ở những nơi có mật độ dân cư sống hai bên hẻm quá cao (trên 300 người/ha) hoặc dọc theo hẻm có trụ điện cần tăng thêm 0,5m cho lộ giới quy định đối với các hẻm có lộ giới tối thiểu từ 3,5 - 4,5m trong bảng 4-1 trên đây.

5. Đối với các quận, huyện ven (trừ các quận nội thành cũ gồm quận 1, quận 3, quận 4, quận 5, quận 6, quận 8, quận 10 và quận 11, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Gò Vấp, quận Phú Nhuận) cho phép điều chỉnh quy định chiều rộng lộ giới tối thiểu cao hơn quy định (tại bảng 4-1 trên) từ 0,5 - 1m và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Điều 5. Các quy định về quy hoạch - kiến trúc

1. Trong trường hợp hẻm cắt dài quá 150m, không có điều kiện thông hẻm và có đủ điều kiện về quỹ đất hoặc được kết hợp với dự án xây dựng mới dọc hẻm thì ưu tiên bố trí chỗ quay đầu xe với kích thước phù hợp theo tiêu chuẩn quy phạm như:

- Có hình tam giác đều cạnh không nhỏ hơn 7m.
- Hoặc có hình vuông cạnh không nhỏ hơn 12m.
- Hoặc có hình tròn đường kính không nhỏ hơn 10m.

Trong trường hợp khu dân cư ổn định và không có đủ điều kiện quỹ đất để thực hiện theo phương án như trên thì nghiên cứu bố trí thêm hẻm phụ ở dọc hẻm hoặc ở cuối hẻm tạo thành ngã ba ở cuối hẻm có lộ giới lớn hơn 3,5m và có vạt góc theo bán kính 5m để quay đầu xe.

2. Đối với các hẻm nhánh nối hai đầu với hẻm chính có chiều dài từ 50m trở xuống có lưu lượng giao thông không đáng kể và hiện trạng có các căn nhà ở đầu

hẻm xây dựng kiên cố đã có giấy phép xây dựng nằm dọc theo đường hẻm thì cho phép xác định lộ giới như lối đi chung (rộng tối thiểu 2m) với ý kiến đồng thuận của các hộ dân trong khu vực hẻm trên.

3. Không bố trí xây dựng đường dây cao thế, trung thế đi nổi dọc theo đường hẻm. Khi bố trí đường dây hạ thế nổi thì không sử dụng dây trần. Trong trường hợp vì điều kiện kỹ thuật và kinh tế không thể xây dựng mới tuyến điện theo phương án ngầm được thì ngành điện phải có biện pháp đảm bảo an toàn theo quy định và phù hợp theo Điều 4.8 - hành lang bảo vệ lưới điện theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam đã ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và theo Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

4. Khi thực hiện cải tạo nâng cấp hẻm, hệ thống đường dây điện thoại, cáp quang cần ưu tiên đặt ngầm để tạo không gian thông thoáng cho hẻm đối với hẻm có lộ giới tối thiểu 10m. Trường hợp tại những khu vực chưa đủ điều kiện về kỹ thuật và kinh phí xây dựng thì cho phép tiến hành từng bước việc ngầm hóa.

5. Tại giao lộ giữa các đường hẻm có lộ giới lớn hơn 4m, giữa hẻm chính với đường phố phải thực hiện vạt góc theo quy định (bằng 50% so với quy định cho đường phố theo Quy chuẩn xây dựng đã ban hành). Không vạt góc đối với các hẻm có lộ giới từ 4m trở xuống với các đường hẻm khác và công trình xây dựng cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới phải bo tròn cạnh ở tầng trệt và ở lầu trên với bán kính $R = 1\text{m}$ để giảm mức độ ảnh hưởng đến lưu thông.

Điều 6. Các quy định về xây dựng

1. Việc xây dựng tầng hầm để xe ô tô chỉ áp dụng khi:

a) Công trình xây dựng có khoảng không gian rộng tối thiểu 3m (kể từ ranh lộ giới hẻm đến ranh đường dẫn xuống hầm) để đảm bảo việc xe ô tô lên xuống hầm không ảnh hưởng đến việc lưu thông trên đường hẻm.

b) Lộ giới đường hẻm lớn hơn 6m.

2. Trường hợp cần thiết cho phép đường hẻm đi qua tầng trệt của nhà mặt tiền trên đường chính (không áp dụng đối với các quận, huyện ven nêu tại mục 4, Điều 4 của Quy định này), phải đảm bảo quy định như sau:

a) Bề rộng đường hẻm không nhỏ hơn 3,5m;

b) Chiều cao thông thủy không nhỏ hơn 4,25m.

Trường hợp này chỉ giải quyết cho giai đoạn trước mắt khi chưa có điều kiện mở đường hầm khác và cần có ý kiến đồng thuận của chủ sở hữu khu đất.

3. Các yêu cầu khác về xây dựng liên quan đến sử dụng không gian đường hầm: Áp dụng theo Điều 7.4 và Điều 7.5 - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đối với nhà xây dựng sát chỉ giới đường đỏ không cho phép xây dựng cố định bậc thêm, vệt dặt xe trong phạm vi lộ giới.

4. Tại những khu dân cư đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt có đường dự phóng trùng với đường hầm hiện hữu thì việc cấp phép xây dựng phải tuân theo lộ giới quy hoạch của đường dự phóng. Trong trường hợp xét thấy quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt trước đây không khả thi thì Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ động tổ chức nghiên cứu điều chỉnh theo quy định hiện hành.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG LỘ GIỚI ĐƯỜNG HẸM

Điều 7. Về thành phần hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hầm

1. Bản đồ hiện trạng địa chính và đường hầm tỷ lệ 1/200, hoặc 1/500, hoặc 1/1000 (theo điều kiện cụ thể của từng địa phương).
2. Bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hầm tỷ lệ 1/200, hoặc 1/500 hoặc 1/1000 (có danh mục các tuyến đường hầm với lộ trình cụ thể).
3. Thuyết minh tổng hợp và tóm tắt quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hầm.
4. Đĩa CD-ROOM lưu trữ bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hầm.
5. Biên bản lấy ý kiến của người dân thông qua đại diện tổ dân phố, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và báo cáo tổng hợp về nội dung lấy ý kiến.

Điều 8. Về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hầm

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế quy hoạch có chức năng để lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hầm phục vụ quản lý xây dựng.
2. Việc lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hầm được tiến

hành tại các khu dân cư hiện hữu được xác định trong các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt.

3. Thời gian phê duyệt tại Ủy ban nhân dân quận - huyện là 30 ngày làm việc sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý xây dựng cấp quận - huyện và nhận đủ hồ sơ theo Điều 7 Quy định này.

4. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến tham vấn trước khi quyết định. Thời gian Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến trả lời là 10 ngày làm việc.

Điều 9. Về lấy ý kiến về quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm

Việc lấy ý kiến của nhân dân về quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm áp dụng theo Luật Xây dựng, Điều 25 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ và Mục III Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng đã ban hành.

Điều 10. Công bố quy hoạch chi tiết xây dựng và cắm mốc lộ giới đường hẻm

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm công bố quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm được duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý để mọi người thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. Hình thức công bố, công khai quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm được áp dụng theo Điều 39 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ động tổ chức cắm mốc tim quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm kết hợp trên bản đồ tỷ lệ 1/200, hoặc 1/500, hoặc 1/1000 để quản lý với ngoài thực địa thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, theo nguyên tắc xác định thứ tự ưu tiên phù hợp yêu cầu quản lý quy hoạch xây dựng tại địa phương, trên cơ sở có đủ bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

4. Nguyên tắc chung xác định lộ giới hẻm là lấy tim đường hiện hữu mở rộng đều hai bên và tùy theo tình hình hiện trạng sẽ nghiên cứu, xác định lựa chọn tim đường hẻm hợp lý nhất để quản lý. Đối với các đường hẻm khúc khuỷu gây trở ngại cho giao thông, khi xác định lộ giới cần thiết kể việc nắn hẻm.

5. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm khi có yêu cầu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Về nguyên tắc tự quản

1. Đối với lối đi chung khi xác định lộ giới và cải tạo chỉnh trang đường hẻm sẽ do các hộ dân trong khu ở tự quyết định nhưng không trái với mức tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này. Nhà nước khuyến khích mở rộng các lối đi chung để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy, thoát hiểm và môi trường thông thoáng cho khu ở.

2. Trong trường hợp lối đi chung và hẻm cụt không đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, Ủy ban nhân dân quận - huyện cần chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ cộng đồng dân cư trong hẻm thực hiện việc hiến đất để mở rộng và chỉnh trang hẻm để đạt các tiêu chuẩn quy định.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức lập dự án cải tạo các đường hẻm chưa đạt yêu cầu theo bản Quy định này trên tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trường hợp đã có ý kiến thống nhất của người dân trong khu vực về hướng đầu tư nâng cấp cải tạo đường hẻm thì ưu tiên triển khai thực hiện. Về nguyên tắc kinh phí đầu tư cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu ở (mở rộng các đường hẻm, cống rãnh thoát nước, tuyến cấp nước...) trên cơ sở xã hội hóa, Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Điều 12. Phân công trách nhiệm

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Khi khoảng cách giữa các đường phố (có lộ giới lớn hơn 12m) vượt quá 180m, thì trong quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt theo phân cấp cần nghiên cứu phương án mở thêm đường phố hoặc đường hẻm có tính khả thi để tăng cường giao thông khu vực.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức rà soát lại lộ giới các đường hẻm đã được phê duyệt trước đây nhưng không khả thi và căn cứ các quy định được ban hành theo Quyết định này để xem xét, điều chỉnh và phê duyệt lại, đồng thời tổ chức nâng cấp cải tạo các đường hẻm không đảm bảo yêu cầu đi lại và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện việc kết hợp tổ chức cắm mốc tim quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm trên bản đồ tỷ lệ 1/200, hoặc 1/500, hoặc 1/1000 để quản lý với ngoài thực địa để phục vụ công tác quản lý xây dựng công trình trên tuyến đường hẻm. Trong

trường hợp cần thiết thì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất và xây dựng công trình trong phạm vi lộ giới các đường hẻm được duyệt hoặc đã được cải tạo, nâng cấp thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

đ) Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp với Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc để xác định và phê duyệt kinh phí thiết kế, thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới hẻm phù hợp theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông - Công chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các quận - huyện rà soát lại tuyến và lộ giới các đường dự phóng (có lộ giới lớn hơn 12m) trong các khu dân cư hiện hữu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trước đây nhưng hiện nay không còn phù hợp, để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt điều chỉnh.

b) Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tổng hợp những vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

3. Sở Giao thông - Công chính phối hợp với Sở Tài chính đối với các dự án liên quan đến địa giới hành chính từ 2 quận, huyện trở lên và với Ủy ban nhân dân quận - huyện đối với các dự án địa bàn từng quận, huyện để đề xuất chính sách bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện dự án mở đường.

4. Sở Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc quản lý cấp phép xây dựng, quản lý sau cấp phép xây dựng theo đúng lộ giới đường hẻm đã được phê duyệt.

5. Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện rà soát các đường hẻm chưa đảm bảo yêu cầu phòng cháy và chữa cháy để Ủy ban nhân dân quận - huyện có kế hoạch lập, phê duyệt lộ giới và tiến hành cải tạo nâng cấp kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

QUẬN 3**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2007/QĐ-UBND

*Quận 3, ngày 14 tháng 6 năm 2007***QUYẾT ĐỊNH****Về ủy quyền cho Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3
được ký tên, đóng dấu UBND quận trên một số văn bản hành chính
thuộc thẩm quyền của UBND quận****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 4461/QĐ-UB-NC ngày 22 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và làm việc của Ủy ban nhân dân quận - huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh theo cơ chế “một cửa, một dấu”;

Căn cứ Quyết định số 341/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 19 tháng 01 năm 1999 của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc ban hành Quy chế ủy nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 đối với Thủ trưởng các Phòng, ban trực thuộc quận theo cơ chế làm việc “một cửa, một dấu”;

Căn cứ Quyết định số 43/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3 (tại Công văn số 557/TNMT ngày 28 tháng 12 năm 2006);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ và Báo cáo thẩm định số 09/BC-TP ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Phòng Tư pháp quận 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ủy quyền cho Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3 được ký tên và đóng dấu UBND quận trên một số văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận 3 như sau:

1. Ký giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.
2. Ký việc thực hiện chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường.
3. Ký đăng ký giao dịch bảo đảm về đất đai (đăng ký, xóa đăng ký thế chấp về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, cung cấp thông tin...).
4. Ký bản đồ hiện trạng vị trí đất.
5. Ký các văn bản hành chính thông thường thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước do Phòng phụ trách (báo cáo; kế hoạch; tờ trình; thư mời; công văn hướng dẫn, trả lời, đề nghị; công văn xin ý kiến hướng dẫn các Sở - ngành thành phố về chuyên môn nghiệp vụ).
6. Ký giấy giới thiệu cho cán bộ, công chức của Phòng liên hệ các cơ quan đơn vị để trao đổi, giải quyết công việc liên quan đến lĩnh vực do Phòng phụ trách.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 và Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Văn Thành

QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2007/QĐ-UBND

*Quận 8, ngày 02 tháng 7 năm 2007***QUYẾT ĐỊNH****Về việc điều chỉnh, bổ sung đợt 1 chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng
và sửa chữa năm 2007****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước;

Căn cứ Quyết định số 5792/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2006 nguồn vốn ngân sách tập trung, vốn khấu hao cơ bản từ phụ thu tiền điện, vốn từ nguồn thu quảng cáo Đài Truyền hình;

Căn cứ Quyết định số 03/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2007 nguồn vốn ngân sách tập trung, vốn khấu hao cơ bản từ phụ thu tiền điện, vốn quảng cáo Đài Truyền hình;

Căn cứ Quyết định số 070/2005/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận 8 về ban hành “Quy định quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân quận 8”;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận 8 kỳ họp lần thứ 8 (khóa IX);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 tại Tờ trình số 103/TT-TCKH ngày 20 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh, bổ sung đợt 1 chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn năm 2007 thuộc nguồn vốn đầu tư phân cấp và nguồn vốn ngân sách quận theo danh mục công trình đầu tư đính kèm.

Điều 2. Các chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về đầu tư đối với các công trình khởi công mới. Hoàn thành thanh toán và quyết toán vốn đầu tư khối lượng chuyển tiếp năm 2007 theo đúng quy định hiện hành.

2. Thực hiện các thủ tục đầu tư đối với danh mục các công trình chuẩn bị đầu tư đã được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 8.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8, Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận 8, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 8, Trưởng Phòng Kinh tế quận 8, Trưởng Phòng Giáo dục quận 8, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Khu vực đầu tư xây dựng quận 8, Giám đốc Công ty Dịch vụ công ích quận 8, Giám đốc Trung tâm Y tế quận 8, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đô Lương

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2007

(Theo Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân 8)

ĐVT: triệu đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
TỔNG CỘNG: (I+II)				95.600	31.323	23.163	85	8.075		
I	Công trình thanh toán khối lượng động và chuyển tiếp:			85.404	21.127	18.749	85	2.293		
1	Xây dựng tường rào, nhà bảo vệ Trường Mầm non phường 2 (số 41 Dạ Nam)	41 Dạ Nam, P2	Xây dựng mới, tổng khuôn viên đất 1.620m ² , nhà cấp 2, 1 trệt 2 lầu.	4.934	734	734			BQLDA Q8	
2	Mở rộng Trường Tùng Thiện Vương	P12	XD mới 1.641m ² , cải tạo 162m ² , nâng tầng 777m ² . Tăng 17 phòng học và các phòng chức năng.	5.164	6	6			BQLDA Q8	
3	Mở rộng Trường THCS Chánh Hưng	P5	Xây dựng mới 1 trệt 2 lầu	4.600	68	68			BQLDA Q8	
4	Phòng Khám đa khoa Xóm Củi	P12	Xây dựng mới 1 trệt 3 lầu	5.186	844	844			BQLDA Q8	
5	Hẻm 2889 Phạm Thế Hiển	P7	Sửa chữa hầm ga nâng nền hiện hữu bình quân 58cm	382	71	71			BQLDA Q8	
6	Hẻm 2805 Phạm Thế Hiển	P7	Sửa chữa hầm ga nâng nền hiện hữu bình quân 50cm	282	37	37			BQLDA Q8	
7	Xây dựng Hội trường Văn hóa quận 8	P5	Xây dựng mới	6.988	450	450			BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
8	Nâng cấp hẻm 329 Bùi Minh Trục (hẻm vào Hương Huyền)	P5	Chiều dài tuyến 178,4m; diện tích xây dựng 2.453m ²	1.252	17	17			BQLDA Q8	
9	Trụ sở UBND phường 9	P9	XD mới 1 trệt 2 lầu	2.714	1.554	1.554			BQLDA Q8	
10	Trụ sở UBND phường 2 (Trường Âu Dương Lân - cơ sở 2)	P2	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.920	3.352	3.352			BQLDA Q8	
11	Trụ sở UBND phường 10	P10	XD mới 1 trệt 2 lầu	2.513	1.506	1.506			BQLDA Q8	
12	Sửa chữa Trường Mầm non Tuổi Ngọc	P6	Sửa chữa	1.852	20	20			BQLDA Q8	
13	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Bông Sao	P5	Sửa chữa, cải tạo	753	39	39			BQLDA Q8	
14	Nhà Văn hóa phường 3	P3	Kho chiếu cũ hẻm 102 ADL (181m ² DT sàn 621m ²)	1.815	466	466			BQLDA Q8	
15	Nhà Văn hóa phường 7	P7	Khu đất phía sau UBND P7 (428,6m ²) DT sàn 848,7m ²	2.948	2.366	2.366			BQLDA Q8	
16	Nhà Văn hóa phường 2	P2	Khu Caritas đường TQB DTKV 206,8m ² DT sàn 585,3m ²	2.503	65	65			BQLDA Q8	
17	Trạm Y tế phường 3	P3	Xây dựng mới 01 trệt, 01 lầu	2.090	1.430	1.430			BQLDA Q8	
18	Sửa chữa đường số 12 phường 5, quận 8 (đoạn từ đường Phạm Hùng đến đường 1011)	P5	Chiều dài tuyến 294,7m; diện tích xây dựng 6.315,4m ²	2.881	600	600			BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
19	Đầu nối hệ thống thoát nước khu Trung tâm hành chính quận 8, nâng cấp hẻm 238 đường Quốc lộ 50 và nâng nền trước trụ sở UBND phường 14	P5, P6, P14		760	4	4			BQLDA Q8	
20	Đường bên hông khu Trung tâm hành chính	P5	Chiều dài tuyến 307m diện tích 4.180m ²	3.530	1.600	1.600			BQLDA Q8	
21	Đường vào Trường Tùng Thiện Vương	P12	Xây mới	848	220	220			BQLDA Q8	
22	Sân trước UBND quận 8	P5	Xây mới	4.987	3.300	3.300			BQLDA Q8	
23	Nhà Văn hóa phường 14	P14	Xây dựng mới	1.218	40			40	BQLDA Q8	Vốn tài trợ XĐGN 300 trđ
24	Trụ sở Công an phường 11	P11	DTKV: 258m ² . DT sàn 687m ² , 1 trệt 2 lầu.	1.430	66			66	BQLDA Q8	
25	Hẻm 109 Dương Bá Trạc	P1	Chiều dài tuyến xây dựng 523,53m, DT xây dựng 3.720m ²	1.970	50			50	BQLDA Q8	Ctr VĐ nhân dân hiến đất.
26	Hẻm 219 Tạ Quang Bửu	P3	Nâng cấp	245	64			64	BQLDA Q8	
27	Hẻm Đình An Tài - Rạch Cùg	P7	Chiều dài tuyến xây dựng 415m, DT xây dựng 3.154m ²	1.137	70			70	BQLDA Q8	Ctr VĐ nhân dân hiến đất.
28	Nâng cấp đường nội bộ cư xá Chánh Hưng, Lô B - C	P 9	Chiều dài tuyến xây dựng 147,5m, DT xây dựng 1.475m ²	962	353			353	BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
29	Nâng cấp đường nội bộ cư xá Chánh Hưng, Lô F-H	P9	Chiều dài tuyến xây dựng 146,92m, DT xây dựng 1.469,2m ²	938	100			100	BQLDA Q8	
30	Hẻm 79 Bến Phú Định	P16	Nâng cấp	1.202	160		85	75	BQLDA Q8	Nhân dân đóng góp: 84,800; Ngân sách quận: 75,200
31	Nâng cấp hẻm khu phố 4 phường 16 và hẻm 2733 khu phố 2 phường 7, quận 8 (Công trình phòng, chống lụt bão năm 2004)	P7, P16	Nâng cấp bờ bao tổng chiều dài 1.000m và một số hẻm ven kênh rạch	589	23			23	Phòng Kinh tế quận 8	Nhân dân đóng góp: 89,000 số còn lại ngân sách quận
32	Duy tu sửa chữa các hạng mục công trình phòng, chống lụt bão năm 2005	Q8		457	203			203	Phòng Kinh tế quận 8	
33	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Thái Hưng (đường Phạm Thế Hiển)	P4	Sửa chữa, cải tạo	373	5			5	BQLDA Q8	
34	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Thái Hưng (đường Tạ Quang Bửu)	P4	Sửa chữa, cải tạo	419	119			119	BQLDA Q8	
35	Sửa chữa cải tạo Trường Hồng Đức	P14	Sửa chữa, cải tạo	500	29			29	BQLDA Q8	
36	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thị	P15	Sửa chữa, cải tạo	248	4			4	BQLDA Q8	
37	Xây dựng trụ sở Phường đội và Khối Dân vận phường 14	P14	Xây dựng mới 1 trệt 3 lầu	747	320			320	BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
38	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Cù	P13	Nâng cấp lề đường	502	10			10	BQLDA Q8	
39	Duy tu đường Hồ Học Lãm, hệ thống thoát nước 1/1A đường Phạm Hùng, sửa chữa Trường Phạm Thế Hiển và xây dựng tường rào Âu Dương Lân	P16, P5, P6, P3		4.762	6			6	BQLDA Q8	
40	Trang thiết bị Hội trường Văn hóa quận 8	P5		2.665	600			600	VP.HỆND-UBND Q8	
41	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các tuyến đường chính (quận và sở quản lý)	Quận 8		342	31			31	BQLDA Q8	
42	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 1, 2, 3	P1, 2, 3		116	25			25	BQLDA Q8	
43	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 4, 5, 6, 7	P4, 5, 6, 7		356	51			51	BQLDA Q8	
44	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 8, 9, 10	P8, 9, 10		78	18			18	BQLDA Q8	
45	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 11, 12, 13	P11, 12, 13		51	5			5	BQLDA Q8	
46	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 14, 15, 16	P14, 15, 16		195	26			26	BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
II	Công trình khởi công mới:			10.196	10.196	4.414	0	5.782		
1	Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng sử dụng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quận 8	Quận 8		669	669	669			BQLDA Q8	
2	Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng sử dụng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 16 phường thuộc quận 8	16 phường		1.434	1.434	1.434			BQLDA Q8	
3	Sửa chữa cải tạo Trường Lý Thái Tổ	P11		1.168	1.168	1.168				
4	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm công trình Nhà Thiếu nhi quận 8	P5		1.143	1.143	1.143				
5	Mua sắm trang thiết bị Phòng Khám đa khoa Xóm Củi	P12		2.049	2.049			2.049	Trung tâm Y tế quận 8	
6	Gia cố đê bao rạch Lòng Đền kết hợp làm đường giao thông nông thôn (Phòng, chống lụt bão 2006)	P7		778	778			778	BQLDA Q8	
7	Hẻm 103 đường Bến Phú Định	P16	Chiều dài tuyến 337,9m	412	412			412	BQLDA Q8	
8	Nâng cấp đường Đinh Hòa	P11	Nâng cấp đường và vỉa hè	708	708			708	BQLDA Q8	
9	Sửa chữa đường Cần Giuộc	P11	Chiều dài tuyến 118,5m	370	370			370	BQLDA Q8	
10	Xây dựng Phường đội phường 9	P9	Xây dựng 1 trệt 2 lầu	705	705			705	BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
11	San lấp và đường giao thông khu nhà tình nghĩa phường 3, quận 8	P3	Diện tích san lấp 500m ² chiều dày san lấp bình quân 2,35m	398	398			398	Phòng LĐ-TBXH Q.8	
12	San lấp và đường giao thông khu nhà tình nghĩa phường 7, quận 8	P7	Diện tích san lấp 370m ² chiều dày san lấp bình quân 2,8m	362	362			362	Phòng LĐ-TBXH Q.8	
III	Công trình chuẩn bị đầu tư			180.837	570	520	0	50		
a	Khối giáo dục			74.052	210	210	0	0		
1	Xây dựng cải tạo Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đông	P4	Sửa chữa	1.533	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
2	Trường Tiểu học Đinh Công Tráng	P10	Sửa chữa	1.059	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
3	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	P1	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
4	Sửa chữa nâng cấp Trường Tiểu học Rạch Ông	P2	Xây dựng mới	2.600	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
5	Xây dựng, sửa chữa Trường Dương Bá Trạc	P2	2 phòng chức năng + s/c nhà hiện hữu	2.772	10	10			BQLDA Q8	
6	Trường THCS Bình An	P7	Sửa chữa, cải tạo	3.000	10	10			BQLDA Q8	
7	Xây dựng mới hội trường và sửa chữa cải tạo Trường Chánh Hưng	P5	Sửa chữa và xây mới	4.119	10	10			BQLDA Q8	
8	Trường Mầm non phường 2 (số 41 Dạ Nam)	P2	Xây dựng mới	3.500	10	10			BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
9	Xây dựng mở rộng Trường Âu Dương Lân	P3	Mở rộng	2.500	10	10			BQLDA Q8	
10	Trường Mầm non phường 13	P13	Xây dựng mới	4.969	10	10			BQLDA Q8	
11	Trường Mầm non Việt Nhi phường 2	P2	Sửa chữa	500	10	10			BQLDA Q8	
12	Trường Mầm non phường 8	P8	Xây dựng mới	4.000	10	10			BQLDA Q8	
13	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	P16	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	
14	Trường THCS Bình Đông	P16	Sửa chữa, cải tạo	2.000	10	10			BQLDA Q8	
15	Trường Tiểu học Thái Hưng	P4	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	
16	Trường THCS Tùng Thiện Vương	P12	Nâng nền, sân và SC khối cũ	4.000	10	10			BQLDA Q8	
17	Trường Tiểu học Hồng Đức	P14	Cải tạo, xây mới	4.000	10	10			BQLDA Q8	
18	Trường Tiểu học Bông Sao	P5	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	
19	Trường Tiểu học Hưng Phú	P9	Cải tạo, xây mới	4.500	10	10			BQLDA Q8	
20	Trường THCS Khánh Bình	P3	Cải tạo, mở rộng	5.000	10	10			BQLDA Q8	
21	Trường THCS Trần Danh Ninh	P8	Sửa chữa lớn	4.000	10	10			BQLDA Q8	
b	Khối Văn hóa thể thao			11.893	40	40	0	0		
1	Phủ nhựa đường chạy Sân vận động quận 8	P.5	Xây dựng mới	4.862	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
2	Nhà Thiếu nhi quận 8 (giai đoạn 2)	P5		2.200	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
3	Nhà Văn hóa phường 16	P16	XD mới 1 trệt 1 lầu	3.331	10	10			BQLDA Q8	
4	Nhà Văn hóa phường 8	P8	Xây dựng mới	1.500	10	10			BQLDA Q8	
c	Khối Y tế			6.397	60	60	0	0		
1	Trạm Y tế phường 4	P4	Xây dựng mới	850	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
2	Trạm Y tế phường 7	P7	Xây dựng mới	700	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
3	Sửa chữa Nhà bảo sanh và Khoa Dược TTYT Q8	P4	Sửa chữa	1.500	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
4	Trạm Y tế phường 9	P9	Xây dựng mới	1.000	10	10			BQLDA Q8	
5	Trạm Y tế phường 5	P5	Xây dựng mới	1.897	10	10			BQLDA Q8	
6	Trạm Y tế phường 16	P16	Xây dựng mới	450	10	10			BQLDA Q8	
d	Khối giao thông			14.519	90	40	0	50		
1	Hệ thống thoát nước hẻm 1/16A đường Phạm Hùng	P4	Nâng cấp	300	10			10	BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
2	Hẻm 2385 đường Phạm Thế Hiển	P6	Nâng cấp	1.365	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
3	Hẻm 28 An Dương Vương	P16	Nâng cấp	800	10			10	BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
4	Xây dựng vỉa hè đường 1107 đường Phạm Thế Hiển (đoạn tiếp giáp với trụ sở Ủy ban nhân dân quận)	P5	Xây dựng mới	390	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
5	Xây dựng vỉa hè đường Hưng Phú (đoạn từ cầu Chánh Hưng đến cầu Chữ Y)	P8,P9	Xây dựng mới	2.634	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
6	Đường vào Ủy ban nhân dân phường 6	P6	Xây dựng mới	7.000	10	10			BQLDA Q8	
7	Đường Phong Phú	P12	Nâng cấp lề đường	1.200	10			10	BQLDA Q8	
8	Đường Võ Trú	P9	Nâng cấp lề đường	500	10			10	BQLDA Q8	
9	Hệ thống thoát nước đường Huỳnh Thị Phụng	P4	Làm hệ thống thoát nước	330	10			10	BQLDA Q8	
e	Khối khác			30.435	60	60	0	0		
1	Xây dựng trụ sở Phòng Quản lý đô thị và Phòng Tài nguyên và Môi trường	P5	Xây dựng mới	4.972	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
2	Xây dựng trụ sở Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận 8	P5	Xây dựng mới	3.707	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
3	XD mở rộng Đài Liệt sĩ phường 7	P7	Xây dựng, mở rộng	4.956	10	10			Cty DVCIQ8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
4	Khối trụ sở đoàn thể quận 8 (hạng mục bồi thường, san lấp và tường rào)	P5		5.000	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
5	Kho Công sản quận 8		Xây dựng mới	800	10	10			BQLDA Q8	
6	Xây dựng khu hành chính phường 6 (hạng mục bồi thường, san lấp và tường rào)	P6		11.000	10	10			BQLDA Q8	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2007				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS quận		
g	Khối phường			43.541	110	110	0	0		
1	Trụ sở UBND phường 1	P1	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.605	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
2	Trụ sở UBND phường 4	P4	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.600	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
3	Trụ sở UBND phường 15	P15	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.719	10	10			BQLDA Q8	Chờ ghi vốn khởi công mới 2007
4	Trụ sở UBND phường 7	P7	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.619	10	10			BQLDA Q8	
5	Trụ sở UBND phường 6	P6	XD mới 1 trệt 2 lầu	5.650	10	10			BQLDA Q8	
6	Trụ sở UBND phường 5	P5	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.000	10	10			BQLDA Q8	
7	Trụ sở UBND phường 8	P8	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.000	10	10			BQLDA Q8	
8	Trụ sở UBND phường 3	P3	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.000	10	10			BQLDA Q8	
9	Trụ sở UBND phường 11	P11	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.000	10	10			BQLDA Q8	
10	Trụ sở UBND phường 13	P13	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.000	10	10			BQLDA Q8	
11	Trụ sở UBND phường 14	P14	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.348	10	10			BQLDA Q8	

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng